

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO NĂM 2024 (Số liệu Tài chính đã kiểm toán)

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch/ Trading name: Công ty cổ phần dược Medipharco
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3300101406 – đăng ký thay đổi lần thứ 10 do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 03/01/2019; Đăng ký lần đầu do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 18 /01/2006
- Vốn điều lệ: 74 554 060 000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 0 ĐVN
- Địa chỉ: Số 08 Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, Quận Thuận hoá, Thành phố Huế.
- Điện thoại : (84) 0234 3832814, 3823099, 3827215
- E-mail : mediphar@dng.vnn.vn
- Website www.medipharco.com/ www.medipharco.com.vn
- Mã cổ phiếu: MTP

a. Quá trình hình thành và phát triển

❖ Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay)

Công ty Dược TW Huế nguyên là Công ty Dược phẩm tỉnh Thừa Thiên Huế được thành lập Ngày 08 tháng 4 năm 1976 sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng -thống nhất đất nước, đã trải qua nhiều thời kỳ với các tên gọi khác nhau: Xí nghiệp Liên hiệp Dược Bình - Trị - Thiên, Xí nghiệp LH Dược Thừa Thiên Huế, Công ty Dược Thừa Thiên Huế

Năm 1999 được Bộ Y Tế ra quyết định số 340/1999/QĐ-BYT ngày 02/09/1999 tiếp nhận Công ty Dược Phẩm TT Huế vào làm đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dược Việt Nam thuộc Bộ Y Tế và đổi tên thành Công ty Dược TW Huế , tên giao dịch là MEDIPHARCO, ngành nghề SẢN XUẤT - KINH DOANH - XUẤT NHẬP KHẨU trực tiếp thuốc chữa bệnh, nguyên liệu , hương liệu, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học và thiết bị dụng cụ Y Tế



Theo Quyết định số 4751/QĐ-BYT ngày 09/12/2005 của Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Dược TW Huế thành Công ty Cổ phần, đơn vị tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp và ngày 18/01/2006 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy phép số 3103000165 đổi tên thành Công ty cổ phần Dược TW Medipharco với số vốn điều lệ 10 000 000 000 đồng (Mười tỷ đồng)

Được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (theo Quyết định 175/UBCK-GCN ngày 20/09/2007) về việc phát hành tăng vốn điều lệ, ngày 07/11/2007 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp giấy phép số 3300101406 đổi tên thành Công ty Cổ phần Dược Trung ương Medipharco - Tenamyd với số vốn điều lệ 20 000 000 000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)

Niêm yết: trên sàn UPCOM – Sở giao dịch chứng khoán Hà nội – Mã giao dịch MTP

Thay đổi trong năm 2024: Không có!

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. **Ngành nghề kinh doanh đăng ký đến thời điểm 31/12 năm 2024: Không thay đổi so với năm 2023**

b. Địa bàn kinh doanh chính:

- Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Thành phố Hà nội
- Thành phố Hồ Chí Minh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Đại hội Đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty
- Hội đồng quản trị: Gồm có 03 người (02 người tham gia trực tiếp điều hành SXKD)
- Ban kiểm soát: Gồm có 03 người
- Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng: Có 01 Tổng giám đốc Công ty và 01 Kế toán trưởng

Cơ cấu Công ty gồm:

- + Có 8 phòng chức năng gồm: Tổ chức Tài chính, Kinh doanh thị trường, Kế hoạch, Bộ phận Kho, Nghiên cứu phát triển (R&D), Kiểm tra chất lượng(QC), Đảm bảo chất lượng(QA), Cơ điện
- + Có 2 chi nhánh trực thuộc gồm: 02 Chi nhánh tại Hà nội và Thành phố Hồ Chí Minh;



- + Có 4 nhà máy gồm: 03 nhà máy sản xuất Thuốc đạt tiêu chuẩn GMP WHO và 01 Nhà máy số 1 tại khu CN Phú bài

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có!

4. Mục tiêu – Định hướng phát triển năm 2025 và Nhiệm kỳ V (2025-2030) của HĐQT:

4 1/ Các mục tiêu chủ yếu và định hướng phát triển của Công ty:

a) Tiếp tục đầu tư Phát triển doanh nghiệp đáp ứng chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam Thực hiện mục tiêu chung của Ngành Dược Việt nam là: Xây dựng ngành dược VN phát triển ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, chú trọng phát triển công nghiệp dược theo hướng hiện đại, hướng tới sản xuất các thuốc phát minh, thuốc có dạng bào chế hiện đại Đồng thời đảm bảo mục tiêu xuyên suốt là cung ứng đầy đủ, kịp thời thuốc bảo đảm chất lượng, giá cả hợp lí và an toàn, hiệu quả phục vụ nhu cầu phòng và điều trị bệnh của người dân

b) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

Tiếp tục Xây dựng , củng cố và phát triển Thương hiệu “ MEDIPHARCO” của doanh nghiệp

Tập trung phát triển sản xuất Thuốc, khai thác tối đa công suất Nhà máy, thiết bị góp phần tăng giá trị sản lượng sản xuất công nghiệp, thu hút lao động ngoài xã hội; Góp phần vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của cộng đồng, phát triển ngành Dược Việt nam

Phát triển DN phải đi đôi với thực hiện các giải pháp bảo vệ Môi trường

4 2/ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục Xây dựng & Thực hiện chiến lược sản phẩm theo hướng tiếp cận từng bước Nghiên cứu Chiến lược khai thác sớm thuốc hết bản quyền, phát triển nhóm thuốc đông dược , nhóm mỹ phẩm cao cấp..... ; Tăng cường Hợp tác Nghiên cứu phát triển sản xuất - kinh doanh với hoạt chất mới trong điều trị bệnh, Thuốc có công nghệ bào chế mới phù hợp dây chuyền và công nghệ sản xuất hiện có của DN
- Khâu nghiên cứu sản phẩm mới phải được ưu tiên đầu tư hợp lí theo hướng phát triển xây dựng chiến lược sản phẩm , mở rộng thị trường & thị phần phân phối ;
- Kiến toàn và nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ chủ chốt của DN , đổi mới công tác Quản trị Nhân sự nhằm đáp ứng công tác quản lí điều hành hoạt động Sản xuất, Kinh doanh, quản lí chất lượng, đầu tư của doanh nghiệp
- Mở rộng hợp tác nghiên cứu- Sản xuất- Kinh doanh toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước! Nâng cao năng lực kinh doanh, Xây dựng & củng cố Hệ thống mạng lưới kinh doanh phân phối trọng điểm của doanh nghiệp tại Thành phố Hà nội- Hồ Chí Minh và khu vực Miền Trung
- Xúc tiến thương mại , Hợp tác mở rộng thị trường xuất khẩu tại khu vực các nước Châu Phi; Đông nam Á; Tây á... ; Phát triển đăng kí lưu hành thuốc nước ngoài; Duy trì và nâng kim ngạch xuất khẩu



- f) Có giải pháp quản trị tài chính để đáp ứng nhu cầu Vốn cho hoạt động SX-KD; Giảm tồn kho công nợ; Tăng hiệu quả lợi nhuận của DN; Bảo đảm sử dụng an toàn nguồn Vốn ;
- g) Hoàn thành Đầu tư Dự án giai đoạn II xây dựng Kho bảo quản thuốc theo tiêu chuẩn GSP tại khu CN Phú Bài để đáp ứng mục tiêu nâng công suất sản xuất và đáp ứng điều kiện hoạt động Xuất nhập khẩu, Dịch vụ bảo quản trong năm 2025
- h) Hợp tác góp vốn đầu tư Dự án “nâng cấp nhà máy số 1 thành nhà máy sản xuất Thuốc Đông dược đạt tiêu chuẩn GMP-WHO tại Khu công nghiệp Phú Bài tỉnh Thừa Thiên Huế”
- i) Tiếp tục nghiên cứu Dự án đầu tư Thuê đất phát triển Trại nuôi trồng, chế biến Dược liệu theo tiêu chuẩn GACP -WHO

5. Các rủi ro:

- ❖ Luật Dược số 44/2024/QHH ban hành ngày 21/11/2024 sẽ có hiệu lực từ ngày 1/1/2025 Theo đó sẽ có những sửa đổi, bổ sung Nghị định- các Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Dược của Bộ y tế có thể còn nhiều nội dung bất cập , khó khăn về Đăng kí thuốc; Khó khăn Về Đấu thầu; Về Thực hiện quản lí thuốc & NL làm thuốc kiểm soát cần dùng trong 1 số ngành- lĩnh vực; sẽ tác động tiêu cực đến chiến lược phát triển trung & dài hạn của các doanh nghiệp ngành dược
- ❖ Chi phí đầu vào tiếp tục biến động tăng (Lương, Bảo hiểm xã hội, Điện, Nước...) ; Đặc biệt nguồn nguyên liệu, Tá dược SX thuốc khan hiếm phải nhập khẩu từ nước ngoài với giá tăng đột biến , không ổn định tác động lớn đến chi phí sản xuất và lợi nhuận của doanh nghiệp
- ❖ Năm 2025 doanh nghiệp sẽ tiến hành đầu tư nhiều Dự án và tiếp tục đầu tư bổ sung máy móc thiết bị sản xuất, hệ thống phụ trợ update theo GMP-WHO sẽ dẫn đến bất cập Liên quan Chi phí vay ngân hàng vì Vốn Điều lệ của DN thấp sẽ chi phí tài chính tăng sẽ ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp

II. Tình hình hoạt động trong năm 2024:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Trong năm 2024 - năm cuối cùng của nhiệm kì HĐQT lần thứ 4 (2020-2025) , Doanh nghiệp tiếp tục phải đối mặt với nhiều Khó khăn:

- Khó khăn tồn tại về cạnh tranh thị trường, bất cập của các văn bản quản lí nhà nước theo Luật Dược hiện hành, chờ đợi ban hành các Thông tư hướng dẫn mới về đăng kí thuốc, đấu thầu, về sản xuất kinh doanh;
- Chi phí tài chính lớn do vốn điều lệ thấp
- Giá thành sản xuất dược phẩm luôn biến động do phần lớn nguồn nguyên liệu đưa vào sản xuất của Công ty chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài; Chi phí về bao bì vật tư, vận chuyển , giá điện nước, xăng dầu liên tục tăng dẫn đến giá thành sản phẩm của Doanh nghiệp rất khó giữ ổn định

- Khó khăn bất cập về việc cấp số đăng ký – Gia hạn- Duy trì hiệu lực SDK ; Về đấu thầu thuốc; Về Khai Giá thuốc; Về Thực hiện quản lí thuốc & NL làm thuốc kiểm soát cán dùm trong 1 số ngành- lĩnh vực
- Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực dược theo hướng cắt, giảm điều kiện/thủ tục, giảm thời gian cấp phép tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động và phát triển chưa thỏa mãn với yêu cầu của Doanh nghiệp

b) Bên cạnh đó, Doanh nghiệp cũng có một số thuận lợi:

- Điều lệ và các Quy chế hoạt động Quản trị Nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát được ban hành sửa đổi phù hợp với cơ cấu Tổ chức và đặc điểm tình hình hoạt động của DN
- Lãnh đạo quản lí Doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ chủ chốt dám nghĩ dám làm
- Cơ sở vật chất kỹ thuật tiếp tục được đầu tư bổ sung thêm đạt các chuẩn GPs, tạo điều kiện nâng cao chất lượng và tăng năng suất lao động
- Người lao động có ý thức tự giác , sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh ; Bên cạnh Sự đoàn kết thống nhất, sự phối hợp lãnh đạo giữa Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, BCH Đảng ủy, BCH Công đoàn, sự hỗ trợ đóng góp tích cực của các cổ đông là những thuận lợi hết sức cơ bản của Công ty

c) Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :

- ❖ Trong bối cảnh rất khó khăn như đã đề cập ở trên, Hội đồng quản trị đã cùng với Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn , tìm kiếm cơ hội, phát triển thêm sản phẩm mới, phát triển sản xuất , nâng Tổng sản phẩm quy đổi nhóm hàng sản xuất tại DN lên con số 43 triệu SPQĐ –đạt 105%/kế hoạch, với giá trị sản lượng 279 tỷ đồng đạt tỷ lệ 119%, vượt kế hoạch mục tiêu của đại hội đồng cổ đông định hướng từ 2020 đến 2025 để duy trì việc làm- đời sống – Thu nhập của người lao động;
- ❖ Về tình hình kinh doanh:
 - Năm 2024 MPC đạt hơn 1 295 tỷ doanh thu, Trong đó nhóm hàng sản xuất tại DN đã có sự tăng trưởng khá lớn và ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu của MPC
 - MPC đã tham dự và trúng thầu gói thầu quốc gia
 - Thị trường xuất khẩu cũng có bước phát triển và mở rộng ra khu vực Tây á, Kim ngạch xuất khẩu cán mốc gần 1,8 triệu USD
- ❖ Về công tác chất lượng, đào tạo, môi trường, an toàn lao động: Thực hiện đầy đủ theo các qui định của GMP cũng như các qui định khác của cơ quan chức năng. Đã tiến hành kiểm tra duy trì Giấy chứng nhận GMP, GSP
- ❖ Công tác quản lý kinh tế - tài chính đã được kiện toàn, chi phí sản xuất, chi phí quản lý được kiểm soát và chi tiêu hợp lý, góp phần làm giảm giá thành cũng như tăng hiệu quả của hoạt động SXKD; công tác quản trị dòng

tiền đã được giám sát chặt chẽ, đảm bảo vay và sử dụng đúng mục đích, và hiệu quả

❖ **Kết quả Sản xuất Kinh doanh:**

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện 21,574 tỷ đồng - vượt 96,7% so với chỉ tiêu ĐHCĐ đã thông qua
- Lợi nhuận sau thuế: 17,804 tỷ đồng – đạt 99,8%;

d) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: 1 000 đ

TT	Chỉ tiêu	ĐV	TH 2023	KH năm 2024	TH năm 2024	Tỷ lệ % TH/KH
1	Tổng doanh thu (Chưa giảm trừ)	Tỷ đồng	1245	984,067	1.292,137	131 3%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20	22,295	21,574	96 7%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	16	17,836	17,804	99,8%

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành:

❖ **Hội đồng quản trị:**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Ghi chú
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản	Điều hành trực tiếp tại DN
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	Điều hành trực tiếp tại DN
5	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập không điều hành)	Không điều hành trực tiếp tại DN

❖ **Ban kiểm soát:**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng ban Kiểm soát – Phó Giám đốc Chi nhánh Hà nội
2	Nguyễn Thị Phương Trâm	Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kì 4
3	Trương Thị Hạnh Phước	Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kì 4

❖ Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

• **Chủ tịch Hội đồng quản trị:**

Họ và tên	Phan Thị Minh Tâm
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	07/07/1956
Nơi sinh	Hải Phòng
Số CMTND	191508810 ngày cấp: 22/09/2014
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phú Vang, Thừa Thiên, Huế
Địa chỉ thường trú	106 Nguyễn Trường Tộ, thành phố Huế
Điện thoại liên lạc cơ quan	0234 3823 768
Điện thoại di động	0913425280
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Dược sĩ đại học - CKI
Trình độ lý luận	Cử nhân Chính trị
Quá trình công tác	
Từ năm 1978 – 1979	Cán bộ Sở Y tế Bình Trị Thiên
Từ năm 1978 – 1982	Bệnh viện Đông y Bình Trị Thiên
Từ năm 1982 – 1992	Phụ trách Nghiệp vụ, 1986: Phó Giám đốc Công ty dược phẩm Tp Huế
Từ năm 1992 – 1998	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế Thừa Thiên Huế
Từ năm 2/1998 – 12/2005	Giám đốc Công ty Dược Trung ương Huế
Từ năm 01/2006 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hành vi vi phạm phát luật:	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	96 505 cổ phiếu
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Nguyễn Phan Xuân Anh - con ruột	450 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

• TVHĐQT- Tổng giám đốc:

Họ và tên	Hoàng Ngọc Hoài Phong
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	16/08/1972
Nơi sinh	Thừa Thiên Huế
Số CCCD	045072000031 cấp ngày 27/8/2022- Cục QLHC và TTXH
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Kinh

IAN
MED
3DN

Quê quán	Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú	B6E Cao ốc Phú Thọ Thuận Việt, 319 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp HCM
Chỗ ở hiện tại:	34 Nội khu 2, KP Nam Viên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp HCM
Điện thoại liên lạc cơ quan	0903674008
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Trình độ lý luận	Sơ cấp
Quá trình công tác:	
1994-2006	Kế toán trưởng chi nhánh Tp HCM
2006-2008	Thành viên ban KS / Kế toán chi nhánh
2008-2010	Thành viên ban KS / Giám đốc chi nhánh
2010-2015	Thành viên HĐQT / Giám đốc chi nhánh
2015-2018	Trưởng ban KS / Giám đốc chi nhánh
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	625 266 cổ phiếu
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Vợ Mai Phương Thảo	37 631 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

• TVHĐQT:

Họ và tên	Nguyễn Văn Hoàng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/10/1974
Nơi sinh	Thanh hóa
Số CCCD	038074006046 ngày cấp 10/10/2021 Nơi cấp : Cục Cảnh sát quản lí Hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thanh hóa
Địa chỉ thường trú	Phòng B707, chung cư The Legend số 109 Nguyễn Tuân , Phường Nhân Chính , Quận Thanh xuân - Hà nội

Điện thoại liên lạc và địa chỉ Email	0902252729_ email: hoang tenamyd@yahoo.com
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Trình độ lý luận	Sơ cấp
Quá trình công tác:	
1997 - 2009	Nhân viên, Quản lý vùng, phụ trách kế toán miền bắc
2011 - 2015	Giám đốc kinh doanh mỹ phẩm
2015 - nay	Trưởng phòng nghiệp vụ công ty CP dược MP Tenamyd – Chi nhánh Hà nội ,
2012 - T12/2018	Trưởng ban kiểm soát CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco Tenamyd BR s r l
Từ 23/4/2018- Nay	Thành viên HĐQT Medipharco
Chức vụ công tác hiện nay	Trưởng phòng nghiệp vụ công ty CP dược Vi Anh– Chi nhánh Hà nội Thành viên HĐQT Medipharco
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	1 131 196 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

❖ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát: Không Thay đổi như sau:**

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Đầu năm 2024		31/12/ 2024	
			Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %
A	<u>Hội đồng quản trị:</u>					
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch	96 505	1,29	96 505	1,29
2	Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên	625 266	8,39	625 266	8,39
3	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	1 131 196	15,17	1 131 196	15,17
B	<u>Ban Kiểm soát:</u>					
1	Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban	1 196	0 016%	1 196	0 016%
2	Nguyễn Phương Trâm	Thành viên	757 972	10,17%	757 972	10,17%

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Đầu năm 2024		31/12/ 2024	
			Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %
3	Trương thị Hạnh Phước	Thành viên	0	0%	0	0%

b. **Những thay đổi trong ban điều hành:** Không thay đổi!

c. **Số lượng cán bộ, nhân viên Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

❖ Tổng số lao động có đến 31/12/2024: 217 người

❖ Chính sách đối với người lao động:

- Công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật
- Xây dựng và thực hiện Quy chế lương trong toàn Công ty theo đúng quy định
- Tổ chức đào tạo (tự đào tạo, cử đi đào tạo), kiểm tra đánh giá kiến thức, tay nghề, kỹ năng hàng năm cho CBCNVLD
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp theo đúng quy định

3. **Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

a. Các khoản đầu tư lớn:

- ❖ Tiếp tục đầu tư Thiết bị sản xuất, Nghiên cứu, Quản lý chất lượng đáp ứng nhu cầu tăng sản lượng sản phẩm sản xuất tại Doanh nghiệp theo KH 2024
- ❖ Đầu tư nâng cấp hệ thống phụ trợ bao gồm: Hệ thống PCCC Khu vực xưởng VCB-Kho GSP – QC và tòa nhà văn phòng; Hệ thống cung cấp nước Tinh khiết; Hệ thống xử lý nước thải của các nhà máy để đạt tiêu chuẩn theo quy định mới!
- ❖ Tổng giá trị đầu tư đã thực hiện và quyết toán năm 2024: **15,6 tỷ đồng**
- ❖ Đã Triển khai Dự án giai đoạn 2: xây dựng kho GSP và Nhà máy sản xuất thuốc tại KCN Phú Bài theo yêu cầu của BQL các KCN tỉnh bao gồm:
 - Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp lần 2 và được cấp lại
 - Lập quy hoạch rút gọn 1:500 và báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án giai đoạn 2
 - Triển khai lập báo cáo đánh giá tác động môi trường để Cấp Giấy phép Môi trường cho khu vực Khu CN Phú bài và các khu vực SX-KD hiện tại của Doanh nghiệp
- ❖ Cùng với các đối tác Nghiên cứu Dự án Tiền khả thi hợp tác nâng cấp Nhà máy số 1 tại khu CN Phú bài thành Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược GMP-WHO
- ❖ Tiếp tục Nghiên cứu Dự án Thuê đất phát triển Trại nuôi trồng, chế biến biến Dược liệu theo tiêu chuẩn GACP -WHO tại tỉnh TT Huế

b. **Các công ty con, công ty liên kết :** Tại thời điểm Báo cáo Thường niên 31/12/2024, CTCP Medipharco không có công ty Con và Công ty Liên kết!

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023 ĐVN	Năm 2024 ĐVN	% tăng giảm/ %
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản/Total asset	568,567,896,691	627 180 073 685	110
Doanh thu thuần/Net revenue	1,245,795,469,232	1 286 901 650 959	103
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from operating activities	20,045,609,053	21 574 068 799	107
Lợi nhuận khác/ Other profits	50,229,587	187 919 709	374
Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax	20,095,838,640	21 574 068 799	107
Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	16,020,505,117	17 804 025 610	111
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio	Theo ĐHCĐ 2024	Theo ĐHCĐ 2025	

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất: Không có!

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú/Note
1 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	1,1336	1,1546	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt	0,8373	0,969	
2 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0,82	0,82	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	4,63	4,66	
3 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover:			
c. Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	8,27	11,56	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	2,17	2,05	
4 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability:			



Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú/Note
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	0,0129	0,0138	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	0,1586	0,1608	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)	0,0161	0,0166	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. **Cổ phần:** Không thay đổi!

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Đầu năm 2024	31/12/2024	Ghi chú
1	Tổng số cổ phần:	Cổ phần	7 455 406	7 455 406	
2	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Cổ phần	7 450 806	7 450 806	
3	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật:	Cổ phần	4 600	4 600	
4	Cổ phiếu quỹ	Cổ phần	4 600	4 600	
5	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 1 năm	Cổ phần			

b. **Cơ cấu cổ đông:** Không thay đổi!

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Tỷ lệ sở hữu đến 29/12/2023	Tỷ lệ sở hữu đến 31/12/2024	Ghi chú
1	Cổ đông lớn ($\geq 5\%$)	%	57,68	57,68	
2	Cổ đông nhỏ ($< 5\%$)	%	42,32	42,32	
3	Cổ đông tổ chức	%	10,53	10,53	
4	Cổ đông cá nhân	%	89,47	89,47	
5	Cổ đông trong nước	%	99,92	99,92	
6	Cổ đông nước ngoài	%	0,08	0,08	
7	Cổ đông Nhà nước	%	0	0	

PHÂN
ME
MSD

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có!

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- ❖ Số lượng cổ phiếu quỹ: 4 600 cổ phiếu
- ❖ Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có!

e. Các chứng khoán khác: Không có!

6. Báo cáo tác động liên quan đến Môi trường và xã hội của công ty:

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- ❖ Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:
- ❖ Tổng số Nguyên phụ liệu đã sử dụng để sản xuất :
 - + NPL: 441 000 kg
 - + Dịch chiết +Rượu+ cồn: 56 300 lít
 - + Nang: : 35 901 000 cái
- ❖ Tổng số lượng Bao bì đóng gói trong sản xuất :
 - + PVC + Nhôm + màng co...: 197 000 kg
 - + Tube + Hộp + Toa + Thùng + Nhãn : 64 300 cái

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a. Điện: Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp 2 318 440 KWh/ năm

- + Tiêu thụ điện trực tiếp cho sản xuất 2 244 536 KWh
- + Tiêu thụ điện gián tiếp (văn phòng): 73 904 KWh

b. Tiêu thụ nước:

- ❖ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:
 - + Nguồn cung cấp nước: Công ty cấp thoát nước tỉnh Thừa Thiên Huế
 - + Số lượng nước đã sử dụng: 16 060 m³/Năm
 - ✓ Tiêu thụ nước trực tiếp cho sản xuất: 15 301 m³/Năm
 - ✓ Tiêu thụ nước gián tiếp (văn phòng): 759 m³/Năm
- ❖ Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có!

c. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có!

d. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : Không có!

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có!

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có!

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- ❖ Số lao động trung bình trong năm 2024: 217 người
- ❖ Mức lương và thu nhập trung bình 2024: 9 triệu đồng/ tháng

b. Thực hiện đầy đủ các Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- ❖ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: Trung bình # 5. 510 giờ/năm
- ❖ Đào tạo các chương trình nâng cao tay nghề, phát triển kỹ năng và cập nhật kiến thức liên tục nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và xu hướng phát triển doanh nghiệp
- ❖ Đào tạo các chương trình nâng cao tay nghề, phát triển kỹ năng và cập nhật kiến thức liên tục nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và xu hướng phát triển doanh nghiệp

6.6/ Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Tham gia Ủng hộ các quỹ Xóa đói giảm nghèo, quỹ khám chữa bệnh cho bệnh nhân nghèo, Quỹ xây dựng nhà tình thương, Quỹ ủng hộ khắc phục cho đồng bào tại các vùng bị thiên tai, Ủng hộ các hộ nghèo tại xã Phú Sơn- Huyện Hương Thủy theo phân công của UBND tỉnh; Kết nghĩa với đồn biên phòng cửa khẩu Hồng Vân- Huyện A Lưới – TT Huế

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có!

III. Báo cáo và đánh giá của Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) **Tình hình thực hiện so với kế hoạch :**

TT	Chỉ tiêu	ĐV	TH 2023	KH năm 2024	TH năm 2024	Tỷ lệ % TH/KH
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.245	984,067	1.245,795	131,3%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20	22,295	21,574	96,7%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	16	17,836	17,804	99,8%

b) **Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :**

- ❖ Trong bối cảnh rất khó khăn như đã đề cập ở trên, Hội đồng quản trị đã cùng với Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn , tìm kiếm cơ hội, phát triển thêm sản phẩm mới, phát triển sản xuất , nâng Tổng sản phẩm quy đổi nhóm hàng sản xuất tại DN lên con số 43 triệu SPQĐ –đạt 105%/kế hoạch, với giá trị sản lượng 279 tỷ đồng đạt tỷ lệ 119%, vượt kế

ƯC
C
HAR
300%

hoạch mục tiêu của đại hội đồng cổ đông định hướng từ 2020 đến 2025 để duy trì việc làm- đời sống – Thu nhập của người lao động;

❖ Về tình hình kinh doanh:

- Năm 2024 MPC đạt hơn 1. 245 tỷ doanh thu, Trong đó nhóm hàng sản xuất tại DN đã có sự tăng trưởng khá lớn và ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu của MPC
- MPC đã tham dự và trúng thầu gói thầu quốc gia
- Thị trường xuất khẩu cũng có bước phát triển và mở rộng ra khu vực Tây á, Kim ngạch xuất khẩu cán mốc gần 1,7 triệu USD

❖ Về công tác chất lượng, đào tạo, môi trường, an toàn lao động: Thực hiện đầy đủ theo các qui định của GMP cũng như các qui định khác của cơ quan chức năng Đã tiến hành kiểm tra duy trì Giấy chứng nhận GMP, GSP

❖ Công tác quản lý kinh tế - tài chính đã được kiện toàn, chi phí sản xuất, chi phí quản lý được kiểm soát và chi tiêu hợp lý, góp phần làm giảm giá thành cũng như tăng hiệu quả của hoạt động SXKD; công tác quản trị dòng tiền đã được giám sát chặt chẽ, đảm bảo vay và sử dụng đúng mục đích, và hiệu quả

❖ Kết quả Sản xuất Kinh doanh:

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện 21,574 tỷ đồng – đạt 96,7% so với chỉ tiêu ĐHCĐ đã thông qua
- Lợi nhuận sau thuế: 17,804 tỷ đồng – đạt 99,8%;

a) **Tình hình tài chính:** Tình hình tài sản:

Thời gian	Tổng tài sản VNĐ	Tài sản ngắn hạn VNĐ	Tài sản dài hạn VNĐ
Số đầu năm	568 567 896 691	529 740 548 218	38 827 348 473
Số cuối năm	627 180 073 685	587 813 906 810	39 366 166 875

Số dư phải thu khách hàng cuối năm (31-12-2024) là 417 tỷ đồng trong đó nợ quá hạn chưa đòi là 20,9 tỷ đồng chiếm 5% Công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi là 20,9 tỷ đồng

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

Tại thời điểm 31/12/2024, nợ ngắn hạn là 509 tỷ đ; Chủ yếu là nợ phải trả người bán và nợ vay ngân hàng ngắn hạn

Thời gian	Nợ ngắn hạn VNĐ	Phải trả người bán VNĐ	Vay Ngân hàng VNĐ
Số đầu năm	466 892 268 552	47 269 464 125	396 621 056 484
Số cuối năm	508 880 909 020	126 314 563 688	362 895 913 912

MEDIA
CO
0140

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:

Trong năm, Công ty có phát sinh hoạt động nhập khẩu – xuất khẩu xuất khẩu và có phát sinh ngoại tệ và ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá ngoại tệ là không đáng kể

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- ❖ Tiếp tục Ứng dụng phần mềm Base platform online để tổ chức công việc và phân bổ nguồn lực giúp cho công tác quản lí điều hành- Phân quyền- Phối hợp- Theo dõi tiến độ thực hiện - Đánh giá hiệu quả ... của từng hoạt động , từng đơn vị, từng cá nhân một cách chặt chẽ - linh hoạt – dễ dàng- hiệu quả
- ❖ Tiếp tục Xây dựng Chiến lược sản phẩm& Chiến lược Giá& Chính sách bán hàng &các chương trình Quảng cáo & Khuyến mãi & Triển khai dự án kinh doanh nhóm sản phẩm mới (Trà thảo dược) , bán hàng Online...
- ❖ Mở rộng nuôi trồng- Chế biến- Tạo thêm sản phẩm đi từ nguồn gốc Thảo dược với mô hình Trại dược liệu gắn với hoạt động sản xuất- Kinh doanh của DN
- ❖ Quản trị Tài chính: Tăng cường các giải pháp quản lí Công nợ, Tối ưu hóa Dòng Tiền để bảo đảm các điều kiện và Chỉ số theo quy định và cam kết Hợp đồng tín dụng đã và sẽ kí lai với các ngân hàng thương mại; Thực hiện báo cáo đánh giá quản trị nội bộ hàng quý/năm để kịp thời có các giải pháp xử lí bất cập phát sinh...

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Xây dựng kế hoạch 2025 và kế hoạch 5 năm nhiệm kì V Theo Mục tiêu của HĐQT nhiệm kì 5 (2025-2030) đã thông qua

4 1/ Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2025:

TT	Chỉ tiêu	ĐV	TH năm 2024	Dự kiến KH năm 2025	% KH 2025/TH 2024
1	Sản xuất:				
a	Sản phẩm quy đổi	Triệu SPQĐ	43	43	
b	Doanh thu SX	Tỷ đồng	279	290	104%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đ	1.245,795	993,9	77%
3	Lợi nhuận trước thuế:	Tỷ đ	21,574		

TT	Chỉ tiêu	ĐV	TH năm 2024	Dự kiến KH năm 2025	% KH 2025/TH 2024
a	Nếu Chưa hạch toán Kho SGP (40 tỷ)	Tỷ đ		25,55	119%
b	Nếu Đã hạch toán Kho GSP	Tỷ đ		17,15	
4	Lợi nhuận sau thuế:				
a	Nếu đã hạch toán Kho SGP (40 tỷ)	Tỷ đ	17,804	18,38	103%
b	Nếu Đã hạch toán Kho GSP	Tỷ đ		11,68	62%
5	Tỷ lệ cổ tức (%)		Dự kiến 10% (ĐHĐCĐ biểu quyết)	Dự kiến 10%	Dự kiến 10%
6	Vốn điều lệ	Tỷ đ	74,554	74,554	74,554
7	Đầu tư phát triển	Tỷ đ		69,81	
a	Xây dựng Kho GSP	Tỷ đ		40	
b	Góp vốn 35% đầu tư thành lập cty SX Thuốc Đông dược (bao gồm nhà xưởng 6 tỷ đ + tiền 6,6 tỷ đ)	Tỷ đ		12,6	
c	KH đầu tư 2024 chuyển tiếp 2025	Tỷ đ		11,2	
d	KH đầu tư 2025	Tỷ đ		6 01	

***Trường hợp xây kho với giá trị 40 tỷ đồng thì lợi nhuận trước thuế giảm 8,4 tỷ đồng, sau thuế giảm 6,7 tỷ/năm- Bao gồm:**

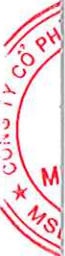
- Chi phí lãi vay: 4 tỷ
- Chi phí khấu hao: 4 4 tỷ (nhà cửa khấu hao 20 năm, máy móc thiết bị khấu hao 6 năm)

4 2/ PHƯƠNG ÁN - GIẢI PHÁP CƠ CẤU LẠI SX-KD CƠ BẢN TRỌNG TÂM 2025:

a) Tổ chức – Lao động:

- ❖ Cơ cấu lại Nhân sự quản lí_(HĐQT- TGD- GD các bộ phận - Trưởng bộ phận...) sau khi bầu lại HĐQT-BKS... nhiệm kì 5 (2025-2030) theo Điều lệ và Sơ đồ tổ chức hiện hành đủ sức điều hành đổi mới doanh nghiệp theo hướng gọn nhẹ và mang lại hiệu quả cao nhất cho cổ đông và người lao động!
- ❖ Tập trung tuyển dụng , đào tạo nhân lực nghiên cứu , sản xuất , quản lí chất lượng để đáp ứng công tác Sản xuất , phát triển sản phẩm mới và đáp ứng nhân lực quản lí , triển khai và vận hành các Dự án đầu tư

b) Tiếp tục Ổn định , phát triển sản phẩm ,nghiên cứu giảm Giá thành , Giá bán



nhóm hàng sản xuất để đủ sức cạnh tranh trên thị trường (OTC/ETC) với các giải pháp đồng bộ:

- ❖ Tăng cường Hợp tác đối tác để nghiên cứu- Đăng kí- Sản xuất thêm nhiều SP mới có giá trị nhằm duy trì và nâng tổng sản phẩm quy đổi (SPQĐ) tối thiểu 42-45 triệu SP/năm trên các dây chuyền sản xuất hiện có; Đồng thời chuẩn bị phương án sản phẩm – đặc biệt là nhóm thuốc Đông dược , sẵn sàng hồ sơ đăng kí , tổ chức sản xuất cho các Nhà máy thuộc dự án đầu tư đã xác định trong nhiệm kì 5
- ❖ Tiếp tục nghiên cứu cải tiến quy trình công nghệ, quy cách đóng gói , nâng cao chất lượng sản phẩm; Khảo sát & Ban hành định mức KTKT và lao động ; Khai thác công suất tối đa từ thiết bị sản xuất , đóng gói đã được đầu tư trong NK4 cùng với đào tạo nâng cao tay nghề nhằm tăng năng suất lao động - giảm chi phí và hạ Giá thành sản phẩm
- ❖ Nghiên cứu Giải pháp Cơ cấu lại hệ thống Kinh doanh trên nguyên tắc ưu tiên phát triển kinh doanh nhóm hàng sản xuất tại Doanh nghiệp
- ❖ Xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm, đăng ký các sản phẩm mới làm phong phú danh mục hàng Sản xuất, tạo thêm doanh thu và lợi nhuận bền vững cho doanh nghiệp
- ❖ Tập trung ổn định và Mở rộng thị trường Xuất khẩu tại Myanmar, các nước Tây á thông qua hoạt động xúc tiến thương mại, nâng cấp update tiêu chuẩn GMP gồm cơ sở Nhà máy- Hồ sơ - Quản lí chất lượng - Nhân sự để sẵn sàng cho việc Thanh tra cấp số đăng kí thuốc xuất khẩu của các cơ quan quản lí dược nước ngoài

c) Giải pháp về Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới :

- ❖ Tiếp tục Tập trung mọi nguồn lực nghiên cứu phát triển sản phẩm mới ;Xây dựng chiến lược sản phẩm- chiến lược thị trường đồng bộ theo hướng:
 - Bước đầu Nghiên cứu Chiến lược khai thác sớm thuốc hết bản quyền.
 - Triển khai ngay Chiến lược phát triển nhóm thuốc đông dược trên cơ sở hợp tác với các đối tác góp vốn (gắn dự án xây dựng nhà máy Đông dược GMP-WHO)
 - Nghiên cứu xây dựng Chiến lược phát triển Thuốc có công nghệ bào chế mới (phù hợp dây chuyền SX hiện tại cũng như phát triển khi đầu tư xây dựng nhà máy mới) , thuốc có hoạt chất mới trong điều trị bệnh
 - Đồng thời duy trì danh mục sản phẩm có sản lượng, Doanh thu, lợi nhuận để ổn định việc làm, thu nhập của người lao động và chi phí sản xuất
- ❖ Tiếp tục hợp tác toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước để nghiên cứu phát triển sản phẩm đáp ứng thị trường (OTC/ETC) và xuất khẩu
- ❖ Xây dựng Hồ sơ Đăng kí thuốc có chất lượng; Bảo đảm tính khả thi và hiệu quả khi triển khai sản xuất- phân phối sản phẩm
- ❖ KH sản phẩm mới 2025: 47 sản phẩm . Phân đầu Nhiệm kì 5 (2025-2030) mỗi năm có thêm ít nhất 20 số đăng kí thuốc mới được cấp trong nước

d) Hệ thống quản lí chất lượng:

- ❖ Kiện toàn hệ thống quản lí chất lượng theo các chuẩn mực GPs update nhằm bảo đảm kiểm soát chất lượng đầu vào – đầu ra của sản phẩm sản xuất –kinh doanh-
- ❖ Đầu tư nâng cấp và đầu tư mới các hệ thống phụ trợ để được cấp Giấy

chứng nhận môi trường cho các Nhà máy sản xuất , Kho bảo quản thuốc của doanh nghiệp

- ❖ Duy trì để tái cấp các Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất- Kinh doanh- Xuất nhập khẩu của Bộ y tế- Sở y tế và Sở Ban Ngành liên quan Chuẩn bị cho công tác tái kiểm tra GMP, GSP vào Quý 4/2026
 - ❖ Sẵn sàng cơ sở vật chất, Hồ sơ quản lí, Nhân sự cho việc Thanh tra cấp số đăng kí thuốc xuất khẩu của các cơ quan quản lí dược nước ngoài
 - ❖ Triển khai áp dụng các quy định (Luật, Nghị định, Thông tư, Quy định ...) mới sau khi Luật Dược 2016 được bổ sung, sửa đổi ban hành từ 2025
- e) Công tác Tài chính Kế toán:
- ❖ Quản lí công tác Tài chính theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần
 - ❖ Xây dựng giải pháp quản trị tài chính để đáp ứng nhu cầu Vốn cho hoạt động SX-KD và đầu tư phát triển; Giảm tồn kho công nợ; Tăng hiệu quả lợi nhuận của DN; Bảo đảm sử dụng an toàn nguồn Vốn ;
 - ❖ Kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm theo quy định
 - ❖ Kí kết hợp đồng tín dụng tại các ngân hàng; Theo dõi chặt chẽ để thực hiện các điều kiện và phương án thế chấp tài sản/ công nợ/ Tồn kho hàng hóa của từng ngân hàng nhằm đáp ứng đủ vốn cho nhu cầu SX-KD và đầu tư phát triển năm 2025
 - ❖ Phân đầu hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 2025 để bảo đảm cổ tức và bổ sung quỹ phát triển sản xuất
 - ❖ Lập phương án khả thi về nguồn vốn để hợp tác đầu tư các Dự án đã xác định và được ĐHĐCĐ 2025 biểu quyết thông qua
- f) Thực hiện quy chế dân chủ tại Công ty đã ban hành theo nghị định 149/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018 của Chính phủ Tiếp tục thực hiện các công tác xã hội, từ thiện theo chủ trương của Đảng, Chính phủ và các ban ngành từ TW đến địa phương
- g) Thực hiện các báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Công ty lưu ký chứng khoán; Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 và Bầu Hội đồng quản trị- Ban kiểm soát Nhiệm kì V (2025-2030) Bổ nhiệm các chức danh quản lí của HĐQT-BKS-TGD và cán bộ quản lí chủ chốt của Doanh nghiệp sau đại hội
- h) Triển khai Thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2025 và Mục tiêu, định hướng phát triển , Chỉ tiêu kế hoạch của nhiệm kì 5 năm 2025-2030

4. Giải trình của Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán so với năm trước theo quy định của Chứng khoán: Không có!

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải: Thực hành tiết kiệm điện, Nước; Tuân thủ các quy định liên quan Vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường

b **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:** Đã bảo đảm việc làm, đời sống, thu nhập, phát huy quyền dân chủ của người lao động; Thực hiện đúng & đủ các quy định liên quan đến nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo Luật định

c **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:** Đã tham gia và làm tốt nghĩa vụ của Doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương Mở rộng sản xuất để thu hút thêm lao động trên đại bàn TT Huế

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần):

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- ❖ Hội đồng quản trị đã giám sát cùng với Tổng giám đốc, các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp thực hiện đạt và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- ❖ Đặc biệt, năm 2024 đã nâng Tổng sản phẩm quy đổi nhóm hàng sản xuất tại DN lên con số 43 triệu SPQĐ – đạt 105%/kế hoạch, với giá trị sản lượng 279 tỷ đồng đạt tỷ lệ 119%, vượt kế hoạch mục tiêu của đại hội đồng cổ đông định hướng từ 2020 đến 2025 để duy trì việc làm- đời sống – Thu nhập của người lao động;
- ❖ Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước, cộng đồng địa phương, bảo vệ môi trường

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Giám đốc công ty:

- b. Tổng giám đốc (TGD) đã Thực hiện đúng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua Thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được phân công trong HĐQT cũng như phân công & phối hợp giữa Chủ tịch HĐQT và TGD
- c. Đã thực hiện ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo đúng Điều lệ và pháp luật hiện hành; Có các biện pháp Quản lý chặt chẽ Công nợ và thực hiện cơ bản đạt các chỉ số, điều kiện của các hợp đồng tín dụng đã ký kết với các Ngân hàng thương mại năm 2024
- d. Đã thực hiện Báo cáo quản trị nội bộ, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng tháng/ quý/ 6 tháng, 9 tháng và năm 2024 đúng quy định hiện hành của Điều lệ và Quy chế QTNB của DN. Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch của năm 2025 để trình hội đồng quản trị phê chuẩn đúng tiến độ Phối hợp Chủ tịch Công đoàn Mở Hội nghị người lao động để Triển khai kế hoạch năm 2025 theo đúng quy định hiện hành
- e. Đã thực hiện đúng quy định về báo cáo trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao; Báo cáo định kì và đột xuất theo yêu cầu cho các cơ quan quản lí nhà nước theo đúng quy định hiện hành

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2025:

3 1/ Thực hiện Các mục tiêu chủ yếu và định hướng phát triển nhiệm kì V (2025-2030) của Công ty:

- a. Tiếp tục đầu tư Phát triển doanh nghiệp đáp ứng chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam Thực hiện mục tiêu chung của Ngành Dược Việt nam là: Xây dựng ngành dược VN phát triển ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, chú trọng phát triển công nghiệp dược theo hướng hiện đại, hướng tới sản xuất các thuốc phát minh, thuốc có dạng bào chế hiện đại Đồng thời đảm bảo mục tiêu xuyên suốt là cung ứng đầy đủ, kịp thời thuốc bảo đảm chất lượng, giá cả hợp lí và an toàn, hiệu quả phục vụ nhu cầu phòng và điều trị bệnh của người dân
- b. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

Tiếp tục Xây dựng , củng cố và phát triển Thương hiệu “ MEDIPHARCO” của doanh nghiệp

Tập trung phát triển sản xuất Thuốc, khai thác tối đa công suất Nhà máy, thiết bị góp phần tăng giá trị sản lượng sản xuất công nghiệp, thu hút lao động ngoài xã hội; Góp phần vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của cộng đồng, phát triển ngành Dược Việt nam

Phát triển DN phải đi đôi với thực hiện các giải pháp bảo vệ Môi trường

3 2/ Thực hiện Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- a. Tiếp tục Xây dựng & Thực hiện chiến lược sản phẩm theo hướng tiếp cận từng bước Nghiên cứu Chiến lược khai thác sớm thuốc hết bản quyền, phát triển nhóm thuốc đông dược , nhóm mỹ phẩm cao cấp..... , ; Tăng cường Hợp tác Nghiên cứu phát triển sản xuất - kinh doanh với hoạt chất mới trong điều trị bệnh, Thuốc có công nghệ bào chế mới phù hợp dây chuyền và công nghệ sản xuất hiện có của DN
- b. Khâu nghiên cứu sản phẩm mới phải được ưu tiên đầu tư hợp lí theo hướng phát triển xây dựng chiến lược sản phẩm , mở rộng thị trường & thị phần phân phối ;
- c. Kiện toàn và nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ chủ chốt của DN , đổi mới công tác Quản trị Nhân sự nhằm đáp ứng công tác quản lí điều hành hoạt động Sản xuất, Kinh doanh, quản lí chất lượng, đầu tư của doanh nghiệp
- d. Mở rộng hợp tác nghiên cứu- Sản xuất- Kinh doanh toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước! Nâng cao năng lực kinh doanh, Xây dựng & củng cố Hệ thống mạng lưới kinh doanh phân phối trọng điểm của doanh nghiệp tại Thành phố Hà nội- Hồ Chí Minh và khu vực Miền Trung
- e. Xúc tiến thương mại , Hợp tác mở rộng thị trường xuất khẩu tại khu vực các nước Châu Phi; Đông nam Á; Tây á... ; Phát triển đăng kí lưu hành thuốc nước ngoài; Duy trì và nâng kim ngạch xuất khẩu tối thiểu 2 triệu USD/năm
- f. Có giải pháp quản trị tài chính để đáp ứng nhu cầu Vốn cho hoạt động SX-KD; Giảm tồn kho công nợ; Tăng hiệu quả lợi nhuận của DN; Bảo đảm sử dụng an toàn nguồn Vốn ;
- g. Tiếp tục đầu tư Máy móc thiết bị , nâng cấp các hệ thống phụ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển hàng sản xuất và nâng công suất sản xuất tối đa của Nhà máy đạt từ 43 triệu -45 triệu SPQĐ; Đáp ứng công tác quản lí và duy trì chất lượng theo chuẩn mực GPs up date;

- h. Hoàn thành Đầu tư Dự án giai đoạn II xây dựng Kho bảo quản thuốc theo tiêu chuẩn GSP tại khu CN Phú bài để đáp ứng mục tiêu nâng công suất sản xuất và đáp ứng điều kiện hoạt động Xuất nhập khẩu, Dịch vụ bảo quản trong năm 2025 Tiếp tục nghiên cứu đánh giá tìm đối tác hợp tác đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Thuốc giai đoạn 2 tại Khu công nghiệp Phú bài
- i. Hợp tác góp vốn đầu tư Dự án “nâng cấp nhà máy số 1 thành nhà máy sản xuất Thuốc Đông dược đạt tiêu chuẩn GMP-WHO tại Khu công nghiệp Phú bài thành phố Huế”
- j. Tiếp tục nghiên cứu Dự án đầu tư Thuê đất phát triển Trại nuôi trồng, chế biến Dược liệu theo tiêu chuẩn GACP -WHO

3 3/ Chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 và Nhiệm kì V:

TT	Chỉ tiêu	ĐV	2025	2026	2027	2028	2029
1	Sản phẩm quy đổi	Triệu SP	43	44	46	48	50
2	Doanh thu SX	Tỷ đồng	290	300	310	315	320
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	990	990	990	990	990
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	17 84	18 50	19 50	20 50	22 00
5	Tỷ lệ cổ tức (%)	%	10%	10%	10%	10%	10%

*Trường hợp xây kho với giá trị 40 tỷ đồng thì lợi nhuận sau thuế giảm 6,7 tỷ/năm

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

❖ Thành viên và cơ cấu tại thời điểm 31/12/2024: Không thay đổi! Hội đồng quản trị gồm có 03 thành viên -Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành, 02 thành viên trực tiếp điều hành công ty

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh là TVHĐQT tại công ty khác
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1,29	Không
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT –Tổng giám đốc	8,39	Không
5	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành trực tiếp)	15,17	Không

❖ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT không xây dựng mô hình hoạt động của các tiểu ban do số lượng ít: 3 thành viên) mà phân công nhiệm vụ theo chức năng quản trị của HĐQT cho từng thành viên theo NQ số 01/HĐQN-NK4 ngày 12/05/2020

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:



❖ **HĐQT đã tuân thủ quy định tại Điều lệ về việc tổ chức họp và ban hành Nghị quyết** HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ và đột xuất, có sự tham dự mở rộng của Ban kiểm soát để ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Quy định, Phương án, giải pháp điều hành quản lý hoạt động của công ty cổ phần

❖ **Cụ thể: 2024: Đã Ban hành 20 Nghị quyết về:**

<i>Stt</i>	<i>Số Nghị quyết/ Quyết định</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tỷ lệ thông qua</i>
1	Số 01/2024/NQ/HĐQT- NK4	18/01/2024	<ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy 	100%
2	Số 02/2023/NQ/HĐQT	20/02/2024	<ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt đầu tư Máy dập viên và máy ép vỉ cho nhà máy Cephalosporin 	100%
3	Số 03/2024/NQ/HĐQT	04/03/2024	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Báo cáo Báo cáo Quản trị nội bộ về kết quả SX-KD 2023 của Medipharco Thông qua Báo cáo kiểm toán BC Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán Thông qua Báo cáo thường niên năm 2023 Thống nhất Thông qua Kế hoạch- Chương trình- Nội dung - Tiến độ Phân công chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐTN) năm 	100%
4	Số 04/2024/NQ/HĐQT	17/03/2024	<ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Phú Xuân để đầu tư hệ thống xử lý, phân phối, tồn trữ nước tinh khiết 	100%
5	Số 05/2024/NQ/HĐQT	26/03/2023	<ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt đơn vị tư vấn thiết kế kỹ thuật – dự toán thuộc Dự án xây dựng kho thuốc GSP của Công ty CP Dược Medipharco 	100%
6	Số 06/2024/NQ/HĐQT	04/04/2024	<ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Phú Xuân để đầu tư Máy dập viên, Máy 	100%



Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			ép vi, hệ thống Phòng cháy chữa cháy	
7	Số 07/2024/NQ/HĐQT	04/04/2024	• Quyết định khen thưởng	100%
8	Số 08/2024/NQ/HĐQT	15/05/2024	• Phê duyệt đầu tư kho thuốc, hệ thống phụ trợ, thiết bị sản xuất và kiểm nghiệm 2024	100%
9	Số 09/2024/ NQ/HĐQT-NK4	1/8/24	• PHÊ DUYỆT LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP ĐẦU TƯ THIẾT BỊ SẢN XUẤT VÀ KIỂM NGHIỆM NĂM 2024 (Đợt I)	100%
10	Số 10/2024/ NQ/HĐQT-NK4	29/8/24	• Phê duyệt vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Phú Xuân để đầu tư Máy trộn cao tốc PD- HMG150	100%
11	Số 11/2024/ NQ/HĐQT-NK4	5/9/24	VỀ VIỆC VAY VỐN, BẢO LÃNH, MỞ THƯ TÍN DỤNG, CHIẾT KHẤU VÀ BẢO ĐẢM CẤP TÍDỤNG TẠI VIETINBANK	100%
12	Số 12/2024/ NQ/HĐQT-NK4	12/9/24	PHÊ DUYỆT LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP ĐẦU TƯ THIẾT BỊ NGHIÊN CỨU R&D NĂM 2024 (Đợt II)	100%
13	Số 13/2024/ NQ/HĐQT-NK4	21/10/24	Về Việc thông qua vay vốn, phát hành bảo lãnh, mở LC phát hành xác nhận cung cấp tín dụng, thủ tục bảo hiểm, thế chấp và cầm cố tài sản tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Huế	100%
14	Số 14/2024/ NQ/HĐQT-NK4	6/11/24	V/v vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tu và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Phú Xuân)	100%
15	Số 15/2024/ NQ/HĐQT-NK4	5/11/24	PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN ĐẦU TƯ NÂNG CẤP HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẠI 08- NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	100%
16	Số 16/2024/ NQ/HĐQT-NK4	22/11/24	V/V MỤC TIÊU - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NHIỆM KÌ 5 (2025-2030) KẾ HOẠCH NĂM 2025 – PHƯƠNG ÁN NHÂN SỰ NK 5	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
17	Số 17/2024/ NQ/HĐQT-NK4	25/11/24	PHÊ DUYỆT LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP ĐẦU TƯ ĐẦU TƯ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI- MÁY NÉN KHÍ- THIẾT BỊ RD NĂM 2024 (Đợt III)	100%
18	Số 18/2024/ NQ/HĐQT-NK4	26/11/24	V/V CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2024	100%
19	Số 19/2024/ NQ/HĐQT-NK4	24/12/24	• Phê duyệt vay vốn ngân hàng MB	100%
20	Số 20/2024/ NQ/HĐQT-NK4	27/12/24	• Phê duyệt kế hoạch chi tiết năm 2025	

❖ **Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:**

- ✓ Giám sát Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua
- ✓ Giám sát thực hiện ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo đúng Điều lệ và pháp luật hiện hành
- ✓ Giám sát và phê duyệt ,thông qua đề xuất của Tổng giám đốc về cấu tổ chức, nhân sự bộ máy, quy chế quản lý nội bộ Công ty Công tác Bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty (trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức) theo đúng quyền hạn đã quy định; Giám sát và phê duyệt phương án đầu tư ... cho phù hợp với tình hình SX-KD của doanh nghiệp
- ✓ Giám sát và yêu cầu Tổng Giám đốc Công ty thực hiện Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch của năm 2025 và Nhiệm kì V (2025-2030) để trình hội đồng quản trị phê chuẩn trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 ;Giám sát thực hiện tất cả các hoạt động quản lý điều hành khác của Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ , Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT& Ban KS .
- ✓ Giám sát việc thực hiện Quy chế Dân chủ, Quy chế phối hợp giữa Tổng giám đốc với Ban chấp hành công đoàn và các đoàn thể chính trị trong doanh nghiệp đã xây dựng theo đúng Thỏa ước lao động, Nội quy lao động, Quy chế Lương, Quy chế quản lý kinh tế tài chính, Quy chế khen thưởng, kỉ luật... để bảo vệ lợi ích chính đáng , hài hòa của người lao động, lợi ích của cổ đông và của nhà nước
- ✓ Giám sát và yêu cầu Tổng Giám đốc thực hiện đúng quy định về báo cáo trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao; Báo cáo định kì và đột xuất theo yêu cầu cho các cơ quan quản lý nhà nước theo đúng quy định hiện hành

- ✓ HDQT quản lí- giám sát công tác Tài chính: theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần
- ❖ HDQT quản lí- giám sát Công tác Quản lí Vốn Điều lệ và Vốn KD-SX thông qua Giám sát hoạt động Quản lí của TGD và KTT
- ❖ Giám sát việc thực hiện lợi ích của Cổ đông:
 - Đã chi trả cổ tức 2023 bằng tiền sau khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2024 biểu quyết thông qua đúng quy định
 - Bảo đảm thực hiện đúng Quy chế và quyết định của Trung tâm lưu kí chứng khoán VN về thực hiện quyền cổ đông công khai- minh bạch trong Đại hội đồng CĐ thường niên và Chi trả cổ tức
- c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập : Không có thành viên HDQT độc lập do NĐ 71/NĐ-CK mới ban hành; Đồng thời công ty là đại chúng nhưng không phải là công ty niêm yết trên sàn chứng khoán!
- d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình đào tạo Online về quản trị công ty (của VCCI tổ chức): Tham gia đầy đủ các Hội nghị triển khai hướng dẫn, quy định và chương trình đào tạo các nội dung liên quan của UBCKNN và HNX tổ chức

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên tại thời điểm 30/12/2024:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban KS	Cử nhân kinh tế- Kế toán	1,059%
2	Bà Nguyễn Thị Phương Trâm	TV	Cử nhân kinh tế- Kế toán	10,17%
3	Bà Trương Thị Hạnh Phước	TV	Dược sỹ đại học	0%

b) Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HDQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: Thực hiện phối hợp theo đúng Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ công ty

- ❖ Với chức năng - nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Trên cơ sở đó, từng thành viên luôn bám sát tình hình thực tế để giám sát hoạt động của HDQT, Ban giám đốc, cũng như xem xét tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và tính cần trọng trong quản lý, điều hành Công ty



- ❖ Ban kiểm soát đã giám sát các hoạt động của doanh nghiệp theo đúng Điều lệ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để đề xuất những kiến nghị cho HĐQT, cổ đông để sửa đổi, bổ sung nếu thấy chưa hợp lý
- ❖ Tham dự các phiên họp HĐQT mời để nắm các Nghị quyết đã ban hành và thực hiện của HĐQT
- ❖ Giám sát thực hiện kế hoạch SX-KD và đánh giá hiệu quả của HĐQT-TGD thông qua các báo cáo sơ kết Quý/6 tháng/Năm
- ❖ Lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024
- ❖ Cuộc họp của BKS:

Stt	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Trần Thị Vân Anh	02	100%	100%
2	Bà Nguyễn Thị Phương Trâm	02	100%	100%
3	Bà Trương Thị Hạnh Phước	02	100%	100%

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- ❖ Thù lao & Lợi ích khác của HĐQT & Ban KS:

DVT: triệu đồng VN

STT	Thành viên HĐQT, BKS	Chức danh	Thù lao (Chưa khấu trừ thuế TNCN)-ĐVN	Lợi ích khác: Tiền thưởng theo NQĐHĐCĐ nếu có (Chưa khấu trừ thuế TNCN)-ĐVN
1	Bà Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch HĐQT	120	100
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc	72	120
5	Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT	72	50
6	Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng BKS	48	10
7	Bà Nguyễn Thị Phương Trâm	Thành viên BKS	24	5
8	Bà Trương Thị Hạnh Phước	Thành viên BKS	24	6
	Cộng		360	291

- ❖ Thu nhập của Tổng giám đốc năm 2024: Lương & Thưởng & Thù lao HĐQT: 1.131 triệu đồng, đã đã bao gồm lợi ích khác
- ❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT: Không thay đổi!

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Đầu năm 2024		Cuối năm 31/12/2024	
			Số CP	Tỷ lệ %		Tỷ lệ %
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch	96 505	1,29	96 505	1,29
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	625 266	8,39	625 266	8,39
3	Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	1 131 196	15,17	1 131 196	15,17

b) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Đến thời điểm 31/12/2024: Không có!

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có!

d) **Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**

- ❖ **Hoạt động quản trị công ty:** Đã căn cứ Quy chế quản trị nội bộ đã ban hành để triển khai thực hiện công tác quản trị theo các nội dung, Trình tự hiện hành
- ❖ **Nội dung chưa triển khai gồm: Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** HĐQT không xây dựng mô hình hoạt động của các tiểu ban do số lượng ít (3 thành viên) mà phân công nhiệm vụ theo chức năng quản trị của HĐQT cho từng thành viên

VI. Báo cáo tài chính:

1) **Ý kiến kiểm toán:** Chấp thuận báo cáo tài chính năm 2024 của Doanh nghiệp

2) **BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

a. **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD 2024:**

ĐV: VNĐ

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm 2023	Năm 2024
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	1 248 310 415 990	1 292 137 968 299
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	2 515 096 758	5 236 317 340
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	1 245 795 469 232	1 286 901 650 959

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm 2023	Năm 2024
4	Giá vốn hàng bán	11	1 155 293 095 003	1 185 416 737 048
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20	90 502 224 229	101 484 913 911
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	1 853 317 808	3 081 118 527
7	Chi phí tài chính	22	28 864 446 378	25 254 890 510
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	21 675 999 462	24 637 964 982
8	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		
9	Chi phí bán hàng	25	20 093 992 608	25 343 667 115
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23 351 493 998	32 581 325 723
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26) + 24}	30	20 045 609 053	21 386 149 090
12	Thu nhập khác	31	277 039 294	316 710 496
13	Chi phí khác	32	226 809 707	128 790 787
14	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	50 229 587	187 919 709
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	20 095 838 640	21 574 068 799
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4 075 333 523	3 770 043 189
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60	16 020 505 117	17 804 025 610

a. **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đến 31-12-2024):**

TT	TÀI SẢN	Mã số	31/12/2023	31/12/2024
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	529 740 548 218	587 813 906 810
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9 687 517 892	18 218 584 195
1	Tiền	111	9 687 517 892	18 218 584 195
2	Các khoản tương đương tiền	112	20 200 000 000	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	34 400 000 000	45 400 000 000
1	Chứng khoán kinh doanh	121		
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	34 400 000 000	45 400 000 000

III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	327 252 157 574	419 024 229 977
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	323 416 319 633	417 735 178 962
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	12 602 807 417	20 325 566 738
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	2 163 236 710	1 874 489 716
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(10 930 206 186)	(20 911 005 439)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		
IV	Hàng tồn kho	140	132 511 785 741	94 487 796 273
1	Hàng tồn kho	141	139 657 983 215	102 502 721 760
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(7 146 197 474)	(8 014 925 487)
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	7 689 087 011	10 683 296 365
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	347 984 144	638 179 656
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	7 034 851 825	9 567 301 840
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	306 251 042	477 814 869
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		
5	Tài sản ngắn hạn khác	155		
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	38 827 348 473	39 366 166 875
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		
4	Phải thu nội bộ dài hạn	214		
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215		
6	Phải thu dài hạn khác	216		
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		
II	Tài sản cố định	220	27 653 441 732	35 715 820 649
1	Tài sản cố định hữu hình	221	27 653 441 732	35 715 820 649
	- Nguyên giá	222	98 874 526 349	114 471 193 018
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(71 221 084 617)	(78 755 372 369)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		
	- Nguyên giá	225		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		
3	Tài sản cố định vô hình	227		
	- Nguyên giá	228		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		
III	Bất động sản đầu tư	230		

	- Nguyên giá	231		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	3 155 866 000	
1	Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	3 155 866 000	
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		
1	Đầu tư vào công ty con	251		
2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		
4	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
VI	Tài sản dài hạn khác	260	8 018 040 741	3 650 346 226
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	8 018 040 741	3 650 346 226
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4	Tài sản dài hạn khác	268		
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	568 567 896 691	627 180 073 685
	NGUỒN VỐN	Mã số		
C	NỢ PHẢI TRẢ	300	466 892 268 552	516 440 749 486
I	Nợ ngắn hạn	310	466 892 268 552	509 087 334 333
1	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	47 269 464 125	126 314 563 688
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5 870 244 866	3 640 925 662
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	900 900 681	412 766 993
4	Phải trả người lao động	314	6 117 665 453	6 979 706 411
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	2 635 150 900	887 692 721
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	7 396 344 453	7 527 126 450
0	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	396 621 056 484	362 895 913 912
1	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	81 441 590	428 638 496
3	Quỹ bình ổn giá	323		
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		
II	Nợ dài hạn	330		7 353 415 153
1	Phải trả người bán dài hạn	331		
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		
3	Chi phí phải trả dài hạn	333		
4	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335		
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		

7	Phải trả dài hạn khác	337		
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		7 353 415 153
9	Trái phiếu chuyển đổi	339		
10	Cổ phiếu ưu đãi	340		
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342		
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	101 675 628 139	110 739 324 199
I	Vốn chủ sở hữu	410	101 675 628 139	110 739 324 199
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	74 554 060 000	74 554 060 000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	74 554 060 000	74 554 060 000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	4 000 000	4 000 000
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414	1 477 728 123	1 477 728 123
5	Cổ phiếu quỹ	415	(92 000 000)	(92 000 000)
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8	Quỹ đầu tư phát triển	418	2 922 702 476	10 202 878 043
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
0	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	6 358 309 755	6 358 309 755
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	16 450 827 785	18 234 348 278
	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	430 322 668	430 322 668
	LNST chưa phân phối năm nay	421b	16 020 505 117	17 804 025 610
2	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
II	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		
1	Nguồn kinh phí	431		
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	568 567 896 691	627 180 073 685

Nơi gửi:

- UBCK Nhà nước (hệ thống IDS và bản cứng)
- Sở GDCK Hà nội (hệ thống CIMS và bản cứng)
- HĐQT, BKS
- Đăng tải trên Web Công ty

Huế, ngày 01 tháng 03 năm 2025

CHỦ TỊCH HĐQT**ĐS PHAN THỊ MINH TÂM**